

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2737/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng 7 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01** thủ tục hành chính cấp tỉnh bị bãi bỏ và **01** thủ tục hành chính cấp xã mới ban hành trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính số thứ tự 249, tiêu mục XVIII, Mục A, Phần I tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Các Trung tâm IOC, DDS thuộc Sở KHCN;
- Lưu: VT, HCC, SNNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN**  
**NÔNG THÔN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Quyết định số                    /QĐ-UBND ngày                    tháng                    năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ MỚI BAN HÀNH**

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                             | Phí, lệ phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan thực hiện       | Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 1   |         | Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP. | <div>- Ủy ban nhân dân cấp xã: 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ sản phẩm.</div> <div>- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30/6 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị trước ngày 30/4; đợt 02 trước ngày 30/12 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị trước ngày 30/10.</div> <div>- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30/9 đối với các hồ sơ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị</div> | <div>- Trực tuyến;</div> <div>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;</div> <div>- Qua dịch vụ dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ bưu chính.</div> | Không quy định. | <div>- Điều 7 Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm;</div> <div>- Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm</div> | Ủy ban nhân dân cấp xã. | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã         |         |

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                               | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                         | Cơ quan thực hiện | Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------|--------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |         |                        | trước ngày 30/7; đợt 02 trước ngày 30/3 đối với các hồ sơ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30/01. |                    |             | vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |                   |                                         |         |

### B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BỊ BÃI BỎ

| STT | Mã TTHC      | Tên thủ tục hành chính              | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cơ quan thực hiện                                            | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | 1.003524.H17 | Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu. | <p>- Thông tư số 27/2026/TTBNNMT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p><i>(Trong đó tại khoản 4 Điều 6 bãi bỏ các nội dung quy định liên quan đến kiểm tra chất lượng muối công nghiệp nhập khẩu tại Điều 1; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 2; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 1 Điều 8 Thông tư số 39/2018/TTBNNPTNT ngày 27/12/2018 quy định TTHC này).</i></p> <p>- Quyết định số 2737/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> | Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông thôn). |         |